

## KHÔNG GIAN VĂN HÓA VÙNG VIỆT BẮC

Bộ môn : Lịch sử văn hoá Việt Nam

Lời mở đầu

“Văn hoá là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử của dân tộc, nó làm nên sức sống mãnh liệt, giúp cộng đồng dân tộc Việt Nam vượt qua biết bao sóng gió và thác ghềnh tưởng chừng không thể vượt qua được, để không ngừng phát triển và lớn mạnh”.

(Phạm Văn Đồng).

Dân tộc Việt Nam ta từ xưa đến nay vốn có một truyền thống văn hoá lâu đời, đậm đà bản sắc- phong vị quê hương. Mỗi miền quê, mỗi vùng đất đều tự nó mang trong mình dấu ấn văn hoá riêng biệt, vừa có những nét đặc thù, lại vừa thống nhất trong tính chỉnh thể của nền văn hoá dân tộc Việt Nam. Đo dọc dải đất hình tia chớp, ở nơi nào chúng ta cũng bắt gặp bản sắc, phong vị văn hoá của mỗi địa danh. Việt Nam là một trong những vùng đất của quê hương- một không gian văn hoá có nhiều nét đặc sắc, tiêu biểu và Việt Bắc là một vùng như vậy. Tuy nhiên, trước khi tìm hiểu vùng văn hoá Việt Bắc, chúng ta hãy xét đến một số khái niệm liên quan.

Không gian văn hoá Việt Nam là một khái niệm dùng để chỉ chỗ ở của người Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Không gian văn hoá liên quan đến lãnh thổ nhưng không đồng nhất với không gian lãnh thổ. Nó bao quát tất cả những vùng lãnh thổ mà ở đó dân tộc ta đã tồn tại qua các thời đại. Do vậy, không gian văn hoá bao giờ cũng rộng hơn không gian lãnh thổ, không gian văn hoá của hai dân tộc ở cạnh nhau thường có phần chồng lên nhau, có miền giáp ranh. Trong phạm vi hẹp, không gian gốc của văn hoá Việt Nam nằm trong khu vực cư trú của người Bách Việt mà có thể hình dung nó như một hình tam giác, cạnh đáy là sông Dương Tử, đỉnh là vùng Bắc Trung Bộ Việt Nam.

Lãnh thổ văn hoá dùng để chỉ chỗ ở cụ thể của từng nhóm tộc người trên dải đất hình chữ S. Lãnh thổ văn hoá liên quan đến chủ quyền lãnh thổ, được xác định bằng cột mốc, hải phận rõ ràng.

\* Vùng văn hoá: Là vùng lãnh thổ nhỏ của một tộc người cư trú.

\* Tiêu vùng văn hoá: Phạm vi nhỏ hơn vùng văn hoá là nơi đẹp nhất của vùng văn hoá. Hiện nay, việc phân vùng văn hoá trong lãnh thổ Việt Nam được nhiều học giả bàn đến với nhiều cách phân chia.

Tuy nhiên, hợp lý và khách quan hơn cả là cách phân chia thành 6 vùng văn hoá của giáo sư Trần Quốc Vương. Vùng văn hoá Việt Bắc là một trong số 6 vùng văn hoá nói trên.

#### I. Đặc điểm tự nhiên và xã hội.

Trong tâm thức người dân Việt Nam, Việt Bắc là tên gọi một vùng đất gắn bó với một thời gian khổ và oanh liệt của quân và dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng: Là quê hương cách mạng, là chiến khu, là nơi ghi dấu bao chiến công anh hùng của quân và dân ta như bài thơ “Việt Bắc” của Tố Hữu mô tả. Nói tới Việt Bắc là nói tới địa bàn của 6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hà Giang, Tuyên Quang. Tuy nhiên ranh giới vùng văn hoá Việt Bắc sẽ rộng hơn địa bàn này. Nó bao gồm cả phần đồi núi của các tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Quảng Ninh. Địa hình Việt Bắc có cấu trúc theo kiểu cánh cung, tụ lại ở Tam Đảo, các cánh cung này mở ra ở phía Bắc và Đông Bắc, phần hướng lồi quay ra biển, thứ tự từ trong ra biển là: Sông Gâm, Ngân Sơn, Yên Lặc, Bắc Sơn, Đông Triều. Toàn vùng có 5 hệ thống sông chính: Sông Thao, sông Lô, hệ thống sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam. Với nét đặc trưng là độ dốc lòng sông lớn, mùa lũ là thời gian dòng chảy mạnh nhất. Mặt khác, trong vùng còn có nhiều hồ như hồ Ba Bể, hồ Thang Hen v.v..

- Dân tộc:

Cư dân chủ yếu của vùng Việt Bắc là người Tày, người Nùng thuộc dòng ngôn ngữ Thái, dân tộc Dao, ngoài ra còn có một số dân tộc ít người khác như Dao, H’mông, LôLô, Sán Chay...

Các dân tộc như Dao, H’mông, LôLô, Sán Chay là những cư dân mới đến Việt Bắc trong mấy trăm năm gần đây, họ thường chọn nơi cư trú ở các vùng cao, đỉnh đồi, vùng núi...Người Tày-Nùng sống chủ yếu ở Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Thái ở Việt Nam, Quảng Tây, Quảng Đông và Vân Nam ở Trung Quốc. Ở Quảng Tây, họ là người dân tộc có dân số lớn nhất, và được gọi là dân tộc Zhuang. Người Nùng

mới thiên di sang Việt Nam cách đây khoảng hai ba trăm năm, vốn là những cư dân thuộc tộc Choang (Đổng) ở Quảng Tây (Trung Quốc).

Người Tày-Nùng và Lạc Việt là nhánh phương Nam của chủng tộc người Bách Việt mà thư tịch cổ Trung quốc có nói nhiều đến. Ngôn ngữ Việt là kết hợp của gốc cổ Mon-Khmer từ phương Nam thuộc hệ ngôn ngữ Austro-Asiatic và tiến hóa cùng với thành phần Tày - Nùng của hệ Thái ngữ.

Trong diễn trình lịch sử, cư dân Việt Bắc và chủ yếu là cư dân Tày- Nùng cùng gắn bó số phận với các dân tộc ở vùng xuôi trong thời kỳ đánh giặc cứu nước. Truyền thuyết và kí ức của cư dân Việt Bắc còn ghi khá kĩ về tổ tiên họ tham gia khởi nghĩa Hai Bà Trưng Năm 548, cư dân Việt Bắc lại ủng hộ cuộc khởi nghĩa của Lý Bôn chống quân nhà Lương. Trong thời tự chủ, vai trò của cư dân Việt Bắc đối với cuộc chống xâm lược nhà Tống rất quan trọng. Các đội quân của các thủ lĩnh địa phương tham gia đánh quân xâm lược Tống Trong ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông, nhân dân vùng Việt Bắc lại tích cực tham gia sức người sức của, góp phần vào sự đại thắng của quân dân Đại Việt. Trong 10 năm kháng chiến chống quân Minh, nhân dân Tày Nùng đã tham gia rất đông đảo dưới sự lãnh đạo của các thủ lĩnh như Nông Văn Lịch, Hoàng Thiên Hữu, Nguyễn Văn Hách, Dương Thế Châu .v.v... Nhà Mạc giành ngôi của nhà Lê, thất thủ ở đồng bằng, kéo quân lên miền núi xây thành, đắp lũy để chống lại nhà Lê. Một số tù trưởng đã đứng về phía nhà Lê chống lại nhà Mạc. Khi vua Quang Trung chống quân xâm lược Thanh, người dân Tày - Nùng đã hưởng ứng lời kêu gọi của Quang Trung đứng lên đánh giặc. Người Pháp thiết lập ách cai trị trên đất nước ta, đồng bào Tày - Nùng đã có những cuộc vận động, tổ chức đánh giặc. Từ phong trào Cần Vương đến phong trào Việt Nam Quang Phục Hội, người dân ở đây đều tham gia khá tích cực. Từ sau năm 1940, sau cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Việt Bắc đã trở thành khu căn cứ địa của cách mạng Việt Nam. Thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta, Việt Bắc lại trở thành căn cứ địa kháng chiến chống Pháp ở cả nước. Những năm cả nước chống giặc Mỹ, người Tày - Nùng lại có những đóng góp rất lớn. Trong diễn trình lịch sử, cư dân Việt Bắc, và chủ yếu là cư dân Tày - Nùng cùng gắn bó số phận với các dân tộc ở vùng

xuôi. Thời phong kiến, các vương triều đều có ý thức vun đắp cho sự gắn bó này. Dù hiện tại là hai dân tộc, nhưng người Tày và người Nùng có những nét gần gũi tương đối. Trong quan hệ với văn hoá Hán, người Nùng chịu ảnh hưởng của Hán tộc nhiều hơn người Tày, người Tày chịu ảnh hưởng văn hoá Việt nhiều hơn.

Về phương diện tổ chức xã hội, cư dân Tày- Nùng chủ yếu sống ở các bản ven đường, cạnh sông suối hay thung lung chủ yếu bằng nghề nông trồng lúa nước. Bản là đơn vị cơ sở nhỏ nhất. Các gia đình trong bản và các thành viên hợp lại thành một cộng đồng dân cư và có tổ chức. Các bản, dù mới lập hay có từ lâu đều có miếu thờ thổ công, mà nhiều nơi gọi là thổ địa (thổ tì), thành hoàng (thâm trong). Đơn vị xã hội nhỏ nhất của người Tày - Nùng là gia đình, lại là gia đình phụ hệ, chủ gia đình vẫn thường là người cha hay người chồng, làm chủ toàn bộ tài sản và quyết định mọi công việc trong nhà, ngoài làng. Do vậy, ý thức trọng nam khinh nữ khá đậm trong cộng đồng, sự phân biệt đối xử còn thấy rõ trong việc phân chia mặt bằng sinh hoạt trong nhà. Nhà ngoài bao giờ cũng dành riêng cho đàn ông. Trừ các bà già, phụ nữ không bao giờ được ở nhà ngoài. Đặc điểm vùng văn hoá Việt Nam.

Tất cả những đặc điểm trên về điều kiện tự nhiên, lịch sử, xã hội của vùng Việt Bắc sẽ tác động đến văn hoá của vùng này.

a. Văn hoá vật chất:

- Ở

- Mặc

- Ăn

Văn hoá ở:

\* Người Tày- Nùng có 2 loại nhà chính:

- Nhà sàn: Dạng nhà phổ biến, gồm 2 loại là: Sàn 2 mái và sàn 4 mái. Nếu là nhà sàn 4 mái thì 2 mái đầu hồi bao giờ cũng thấp hơn 2 mái chính. Cửa có thể mở mặt trước hoặc đầu hồi. Cầu thang lên xuống bằng tre, số bậc bao giờ cũng lẻ, không dùng bậc chẵn.

- Nhà đất: Nhà đất là loại nhà xuất hiện ngày càng nhiều, nhưng cũng có rất nhiều thay đổi so với ngôi nhà sàn về quy mô, kết cấu, bố cục bên trong. Ở một số vùng còn có

loại nhà nửa sàn nửa đất, đây là một loại nhà đặc biệt, vừa mang tính chất nhà đất vừa mang tính chất nhà sàn.

\* Trang phục của người Tày có tính thống nhất, được phân biệt theo giới tính, địa vị, lứa tuổi, theo nhóm địa phương.

- Y phục của nam giới Tày theo một kiểu: Áo cánh 4 thân, áo dài 5 thân, khăn đội đầu và giày vải. Chiếc áo 4 thân được cắt may theo kiểu xẻ ngực, cổ áo tròn, cao, không có cầu vai, tà áo xẻ cao, có hàng cúc vải trước ngực và hai túi, Hàng cúc của áo này bao giờ cũng là 7 cái. Quần của nam giới được may theo kiểu đứng chéo, cả quần lẫn áo của nam giới Tày may bằng vải chàm. Họ ít dùng đồ trang sức, trang phục của đàn ông Tày khá giản dị. Giữa nam giới Tày và Nùng khác đôi chút về kích thước trang phục.

- Y phục của nữ giới lại đa dạng và phong phú hơn. Người phụ nữ Nùng chỉ mặc một màu chàm, khác với người phụ nữ Tay mặc chiếc áo lót trong màu trắng. Y phục của phụ nữ Tày- Nùng gồm áo cánh, áo dài 5 thân, quần, thắt lưng, khăn đội đầu, hài vải. Đồ trang sức cũng đơn giản, vòng cổ, vòng tay, vòng chân, xà tích bằng bạc. Chiếc khăn của phụ nữ Tày là khăn vuông, khi lễ tết, họ buộc thêm chỉ đỏ, xanh quanh vành khăn rồi thắt nút ra phía sau. Phụ nữ Nùng có khác đôi chút là họ thường bện răng vàng, ưa thích vòng chân, vòng tay, khuyên tai bằng bạc như vòng chân, vòng tay, vòng cổ, khuyên tai, hoa tai ...

\* Về ăn uống, tùy theo từng tộc người mà cách thức chế biến thức ăn và khẩu vị của cư dân Việt Bắc có hương vị riêng. Việc chế biến món ăn của cư dân Tày Nùng một mặt có những sáng tạo, một mặt tiếp thu kỹ thuật chế biến của tộc lân cận như Hoa, Việt.v.v... Họ chế biến ngô một cách tinh tế, ngô được giã, hay xay nhỏ để nấu với cơm, làm các loại bánh. Thức ăn chính là gạo tẻ, nhưng việc chế biến món ăn từ gạo nếp được chú trọng hơn. Trong ngày tết, cốm và các loại xôi màu là những món ăn đặc biệt hấp dẫn. Ngoài ra còn có thịt lợn quay Lạng sơn, vịt quay Thất Khê. Bữa ăn của cư dân Việt Bắc mang tính bình đẳng, nhân ái. Tất cả các thành viên trong nhà ăn chung một mâm, khách đến nhà rất được ưu ái, nể trọng.

Ngoài ra, điểm đáng chú ý trong văn hoá vùng Việt Bắc là tầng lớp tri thức Tày- Nùng hình thành từ rất sớm. Ban đầu là các tri thức dân gian: Thầy Mo, Then, Tào, Pụt. Sau

này, giáo dục càng được chú trọng, phát triển, đẩy mạnh đào tạo trí thức, cán bộ khoa học cho Việt Bắc. Nhà Mạc khi chạy lên đóng đô ở Cao Bằng ra sức đào tạo tầng lớp nho sĩ, quan lại người Việt chạy lên đây bị Tày hóa. Do vậy tầng lớp trí thức nho học hình thành, có một số đạt tới trình độ học vấn cao như Bế Văn Phúng, Nông Quỳnh Văn, Hoàng Đức Hậu. Khi thực dân Pháp đặt ách cai trị lên toàn quốc, sau này khai thác thuộc địa lần 1, lần 2, tầng lớp trí thức nho học ít dần, tầng lớp trí thức mới được đào tạo trong các nhà trường thực dân như các ông thông, kí, thầu phán, giáo học. Một số có lòng yêu nước, được người dân kính trọng về sau đã đi theo ánh sáng của Đảng để cứu nước như Hoàng Văn Thụ, Lương Văn Chi... Trong kháng chiến chống Pháp, nhất là sau ngày hòa bình lập lại, giáo dục ở Việt Bắc được chú trọng phát triển. Số trường học các cấp có ở các địa phương ngày càng nhiều. Các trường đại học, cao đẳng được thành lập trong mấy chục năm qua như : Đại học Sư phạm Việt Bắc, đại học Y khoa Việt Bắc v.v... Mới đây, Đảng, nhà nước ta lại tổ chức trường đặc tạo cán bộ khoa học cho Việt Bắc. Trong đào tạo, bên cạnh chữ Quốc ngữ, một số tộc như Tày, H'mông cũng có chữ viết xây dựng trên cơ sở mẫu chữ Latinh.

#### b. Văn hoá tinh thần.

Đời sống văn hoá tinh thần của cư dân Việt Bắc có những nét cơ bản giống với các khu vực khác. Về tín ngưỡng tôn giáo, tín ngưỡng dân gian của cư dân Tày- Nùng hướng niềm tin của con người tới thần bản mệnh, trời- đất, tổ tiên. Các thần linh của họ rất đa dạng, có khi là nhiều thần như thần núi, thần sông, thần đất. Ngoài ra lại có các vua, có Giàng Then, ý thức cộng đồng được củng cố thông qua việc thờ thần bản mệnh của mừng hay của bản. Ý thức về gia đình, dòng họ được củng cố thông qua việc thờ phụng tổ tiên. Mỗi gia đình có một bàn thờ tổ tiên đặt ở vị trí trang trọng nhất trong nhà. Ngoài ra, trong nhà họ còn thờ vua bếp.

Diện mạo tôn giáo Việt Bắc cũng có những nét khác biệt. Các tôn giáo như Khổng giáo, Phật giáo, Đạo giáo đều có ảnh hưởng đến đời sống tâm linh của người dân ở Việt Bắc. Chùa thờ Phật ít hơn dưới đồng bằng, nhưng cũng có những chùa đáng lưu ý, như chùa Hang, chùa Úc Kỳ ở Bắc Thái, chùa Diên Khánh, chùa Linh Quang, chùa Nhị Thanh, chùa Tam Thanh ở Lạng Sơn. Tam giáo được cư dân Tày tiếp thu gần giống với người

Việt, nhưng ở mức độ thấp, trong sự kết hợp với các tín ngưỡng vật linh vốn có từ lâu đời trong dân gian.

- Về chữ viết:

Vùng Việt Bắc với người Tày- Nùng, chữ viết trải qua các giai đoạn:

Giai đoạn cổ đại không có chữ viết, giai đoạn cận đại có chữ Nôm, giai đoạn hiện đại, vừa có chữ Nôm, vừa có chữ Latinh. Năm 1960, Đảng và Nhà nước ta đã giúp người Tày- Nùng xây dựng hệ thống chữ viết theo lối chữ Quốc ngữ, bằng chữ cái Latinh. Cũng chính vì vậy, nét đáng chú ý là cư dân Tày- Nùng ở Việt Nam đã có những nhà văn viết bằng chữ viết dân tộc. Đáng kể là các tác giả như Hoàng Đức Hậu, Nông Quốc Chấn, Bàn Tài Đoàn v.v... Đặc biệt, nhà thơ Nông Quốc Chấn còn cho xuất bản tập thơ “Tiếng hát người Việt Bắc” mang đậm tình cảm, tâm hồn của Việt Bắc.

Trong khi đó, văn hoá dân gian Việt Bắc khá đa dạng về thể loại, phong phú về số lượng tác phẩm như thành ngữ, tục ngữ, truyện cổ tích, nói ví, câu đố và đồng dao, dân ca. Riêng dân ca, loại phong phú là loại khá riêng biệt được viết trên nền giấy vải khá công phu. Đặc biệt, lời ca giao duyên: Lượn coi và lượn sương là những thể loại tiêu biểu được các thế hệ trẻ Tày- Nùng ưa chuộng; Ngoài ra còn có lượn Nàng hai- nằm trong hát lượn (gồm 3 loại) của người Tày. Nếu như lượn coi và lượn Nàng hai có địa bàn chính ở Tây Việt Nam thì lượn sương lưu hành ở địa bàn Lạng Sơn là chính. Vì thế, lượn sương còn gọi là lượn Lạng. Hơn cả nhu cầu giao duyên, lượn sương chủ yếu bộc bạch niềm thương nhớ nhuộm màu đau thương, diễn tả tình yêu nặng sâu. Chẳng hạn:

Gà gáy dạo chơi ta kết giao.

Trông lên trời thăm sáng đầy sao.

Trăng lên sáng trời trăng phải lặn.

Giờ này đôi ta biết làm sao?

Bên cạnh đó, người Nùng còn có lối hát giao duyên rất độc đáo là sli. Sli thường được hát theo lối có tổ chức hoặc không có tổ chức trong dịp mừng nhà mới, mừng sinh nhật, ngày Tết, ngày hội đầu xuân... Sli rất phong phú, thường mỗi nhánh Nùng có một loại sli như người Nùng Giang có Sli giang, người Nùng Cháo có Shi sinh lăng, người Nùng